

Thằng HIÊM



Mọi người gọi ông ta là “thằng Hiêm”. Đó là người đàn ông khắc khổ, gương mặt teo tóp, lại chằng chịt vết sẹo của lần bệnh trái rạ trông ông có vẻ dữ dằn với đôi má hóp như một người già vào tuổi bảy mươi. Ông ta bao nhiêu tuổi thì, thuở ấy – là thằng nhỏ lên bảy, tám – tôi không thể hình dung được. Dựa vào tuổi của ba tôi, tôi đoán ông ta vào khoảng ba mươi ngoài. Không biết vì lớn tuổi hơn hay vì làm lụng cực khổ mà trông ông ta già hơn ba tôi rất nhiều. Trừ đám con nít chúng tôi, thế hệ ngang vai về

với ba tôi, bất kể tuổi tác, đều gọi ông ta là “thằng”. Ông ta luôn niễng đầu khi nhìn mọi người. Vì vậy, đôi mắt hí của ông mở ra bên lớn, bên nhỏ và cái miệng há lớn bày ra hàm răng có nhiều chỗ trống, trong khi hàng gân cổ bên trái nổi lên trông mệt nhọc và buồn cười. Ở tuổi trẻ con, chúng tôi luôn tàn ác chọc ghẹo khi nhìn ông đứng nghe ai đó nói. Và lúc ông ta tắt tả bước thấp bước cao đi, chúng tôi càng cười lớn hơn vì cái chân tật nguyên xiêu vẹo kia. Tuy nhiên, ít khi thấy ông nổi giận lủ con nít chúng tôi. Hoạ hoàn lắm, ông trợn mắt, cung tay dữ dứ để bọn tôi bỏ chạy rồi sau đó đứng cười

ngọt ngào một mình có vẻ khoái trá!

Mọi người kể lại rằng vào khoảng năm bốn mươi, loạn lạc nổi lên càng lúc càng khốc liệt. Một chiều đầu mùa mưa, khi những đám mây khói đèn vùn vùn khắp nơi và những cơn giông dữ dội đến từ mọi hướng xoắn lấy các tàn cây me cổ thụ trước nhà, bứt đi những chiếc lá nhỏ li ti làm vàng rực cái không gian u ám, một đoàn tản cư từ Cao Miên lếch thếch lội bộ ngang nhà. Trời đã xầm xẩm tối, giông lớn đang cuộn cuộn khắp lối và mây đen đang phủ kín mọi nơi. Mệt nhọc và đói khát, họ đến xin nghỉ đêm tại nhà ông nội tôi, ngôi nhà bé

► thế nhất làng, nơi có thể chứa được mười mấy người, trong đó có “thằng Hiêm”. Đêm đó, dĩ nhiên là họ được ăn no và ngủ ấm trong lùm lúa của ông nội tôi, một ông chủ điền đầy lòng nhân ái. Hôm sau, ông tôi nghĩ giúp cho họ một số vật dụng để về đến quê. Nhưng thật bất ngờ, tất cả mọi người đều xin ở lại:

- Tụi con còn quê nữa đâu mà về? Với lại ở đâu cũng có giặc. Sống với người nhân đức như ông, có chết tụi con cũng vui.

Người lớn tuổi nhất trong đoàn nài nỉ với thái độ hết sức cung kính.

Dù khá ngạc nhiên nhưng ông tôi vẫn vui vẻ nhận họ ở lại. Thuở ấy, như ba tôi nói, từ làng trên xuống xóm dưới chỉ lác đác gần trăm nóc gia nên việc mười mấy người đó ở lại cũng không hề gì! Ở đông thêm vui!

Đúng vậy! Nhóm người đó trở thành những tá điền đắc lực của ông tôi. Họ có ruộng để làm, có đất để ở và được ông tôi dựng vợ, gả chồng... Cuộc sống vì vậy khá đầy đủ và họ luôn biết ơn ông tôi, xem ông như một người cha khá kính. Riêng “thằng Hiêm” thì ông tôi không giúp “ra riêng” được vì có ai chịu làm vợ ông

ta đâu! Quê hương ở đâu, ông ta không nhớ. Cha mẹ là ai, ông ta không biết. Người trong đoàn cho biết đã gặp ông lang thang, đói rách trên đường... Ông ta ở hẳn trong nhà ông tôi, làm công việc lật vật như xay lúa, bửa củi, sửa chữa... Lúc nào cũng vậy, ông ta luôn mặc chiếc quần lửng đen lưng gút to bản, đậy lá nem. Minh trần, đầu quấn chiếc khăn chàng tẩm kẻ ô vuông trên trán, cột lại, thả mối dư phía sau ót. Trông ông ta giống y như hình vẽ ông tiều phu trong sách tập đọc mà tôi học, nhất là khi ông xách cây búa bửa củi. Chỉ hơi tiếc rằng ông ta không có râu dài, lại ốm nhom, không có vẻ khỏe mạnh như ông tiều trong sách!

Lâu lâu theo ba về thăm nội, tôi luôn nghe các chú, các cô gọi “Hiêm ơi, Hiêm à!” liên tục mà lòng dâng lên niềm thương cảm man mác, nhất là khi dõi theo hình dáng đổ nghiêng qua từng bước chân thấp cao lẫm lẫm theo lối mòn quanh co cạnh những bụi tre rừng sừng sững sau vườn. Gặp tôi, ông ta niễng đầu, nheo mắt rồi hất hàm:

- Mới xuống hả, học giỏi hông?

Rồi ông ta cung tay lại dư dư trước mặt tôi vài cái và cười

ha hả, khoe hàm răng cái còn, cái mất. Lần đó, lúc ra về, ông ta nhét vào túi áo py da ma của tôi một cái nạng giàn thun bắn chim. Cái nạng thật đẹp vì được đeo khéo léo từ gốc cây me nước.

Thuở ấy, tôi chỉ biết mừng do có món đồ chơi ưa thích chớ chưa biết xúc động vì cái nạng đã được làm từ trước với bao nhiêu công lao khó nhọc do gọt, cắt từ lõi gốc cây già đầy u mắt bằng cây mác vót con con. Tôi cũng không hiểu tại sao đám con nít thì nhiều, tôi lại không sống bên nội mà ông chỉ làm đồ chơi cho tôi, vui vẻ và đùa giỡn với tôi. Mãi sau này, khi lớn lên tôi mới hiểu ra thứ tình cảm âm thầm ấy và luôn day dứt vì đã làm mất cái nạng, dù thật sự tôi chưa sử dụng được lần nào để bắn chim!

Cuộc sống vẫn lặng lẽ đi qua xóm nhỏ ven sông Hậu mà bên kia là cái cù lao hoang vu với những đám u du và lát vươn cao, xanh biêng biếc ven bờ, ôm lấy chân hàng cây gạo rừng, nơi trú ngụ của đàn cò trắng chập chờn, quang quác gọi nhau lúc phía tây chỉ còn phơn phớt, le lói một màu cam nhạt nhạt. Tháng sáu, lúc mùa mưa đến với những cơn mưa nặng hạt, gió mạnh từ hướng núi mang theo mùi hương

nồng nàn, ngào ngạt từ những bông gạo trắng tròn tròn như trái banh lông làm người người ngáy ngất từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng.

Rạch Thị Đam vẫn âm thầm trôi, mang đi những giề lục bình về tận đâu đâu. Buổi chiều, vào mùa mưa, gió từ bên cù lao thổi về làm ngã nghiêng, làm dọn sóng từng cụm lát, u du, vi vu buồn buồn trên các ngọn me già trước cửa, rứt tan tác đám lá vàng li ti bay vào hành lang, rồi xộc qua hàng song cửa và cuối cùng rắc thảm trên nền gạch đỏ đã sẫm màu rêu phong.

Lần nào cũng vậy, khi cây ô môi nơi bến sông rục rờ, hồng lên đầy cành những chùm hoa

nhỏ xíu với nhiều đàn bướm sặc sỡ chập chờn trong gió chớm xuân thì ở cái làng cô tịch này có vẻ huyền ảo hơn bình thường. Từ hơn ba tháng trước, lúc ngọn gió bắc lạnh lẽo thổi ngang qua cánh đồng vàng rục, mang theo hương lúa chín nồng, ngào ngạt cộng với mùi sình non vì nước vừa rút cạn, chúng tôi nghe tiếng chim tu hú vang lên thúc giục ở tận đọt mấy cây sao cao vút nơi đình làng. Pháo bắt đầu lẹt đẹt nổ từ đầu trên đến cuối xóm. Thỉnh thoảng vào buổi chiều, người ta nghe tiếng ống lói đốt khí đá rống lên những tiếng đi đùng như trận giặc. Trong khi đó, nhịp ba chày giã gạo “cắc cùm cùm” đã không còn

vang lên trong những đêm trăng về muộn.

Mọi người đã chuẩn bị gạo đủ cho các ngày Tết, có nơi cho qua hết tháng giêng! Thay vào đó, tiếng “cùm cùm” quét nếp làm bánh phồng vang lên khắp nơi, làm nôn nao bọn con nít. Đám này, từ sáng đến tối, luôn hỏi người lớn đồ mới đã may xong chưa làm mấy bà thợ may đập hối hả cả ngày.

Cuối năm Quý Mão, ở nhà ông tôi, “thằng Hiêm” không phải giã gạo vì có cái cối xay lúa, không phải làm gió để giê trấu nhờ vào cái guồng. Việc lau tủ bàn ghế đã có người khác. Ông tôi giao cho “thằng Hiêm” lật lá hai gốc mai vàng trước cửa.

Hai cây mai già cao hơn đầu có tàn lá sum suê như cây mận. Góc mỗi cây, có lẽ bằng bốn bàn tay người lớn, đầy vết u nần và lốm đốm mốc meo trắng trắng. Không ai nói về số tuổi của hai cây mai này. Bây giờ, nghiệm lại tôi nghĩ chúng nó phải già hơn ông tôi nhiều. Công việc kéo dài từ mười hai tháng chạp có khi đến hết ngày mười bốn hoặc có thể chậm hơn nếu ông tôi thường xuyên ra sẫm soi xem ông ta lật lá. “Thằng Hiêm” hãnh diện thấy rõ vì ông nội chỉ tin tưởng ông ta làm công việc đó. ▶



► - Nó lật lá rất kỹ, không làm gãy búp, không làm hư chồi. Năm nào nó lật, năm đó mai nở đẹp vô phương!

Ông tôi thường giải thích như vậy với mọi người.

Nhưng, ông không nhìn được mai nở năm đó cũng như vĩnh viễn về sau vì trước Tết mấy ngày, ông đã ra đi. Buổi chiều mười bốn, sau khi “thằng Hiêm” đã hoàn tất việc lật lá, ông hài lòng ngồi ngắm nghĩa, rồi đứng dậy đi vòng vòng. Bỗng dưng ông kêu nhưức đầu rồi té quỵ. Chú tôi chở ông lên Sài Gòn và hơn một tuần sau đưa ông về trong chiếc quan tài to sơn màu nâu đồng!

Thuở ấy, bọn con nít chúng tôi không biết buồn là gì! Đó là dịp chúng tôi đùa giỡn. Chúng tôi thường rủ nhau xuống bờ rạch, đánh đu bằng rễ cây gừa. Cây gừa cổ thụ đó không lớn hơn cây da cạnh miếu làng tôi nhưng nó rất đẹp. Tàn lá phủ

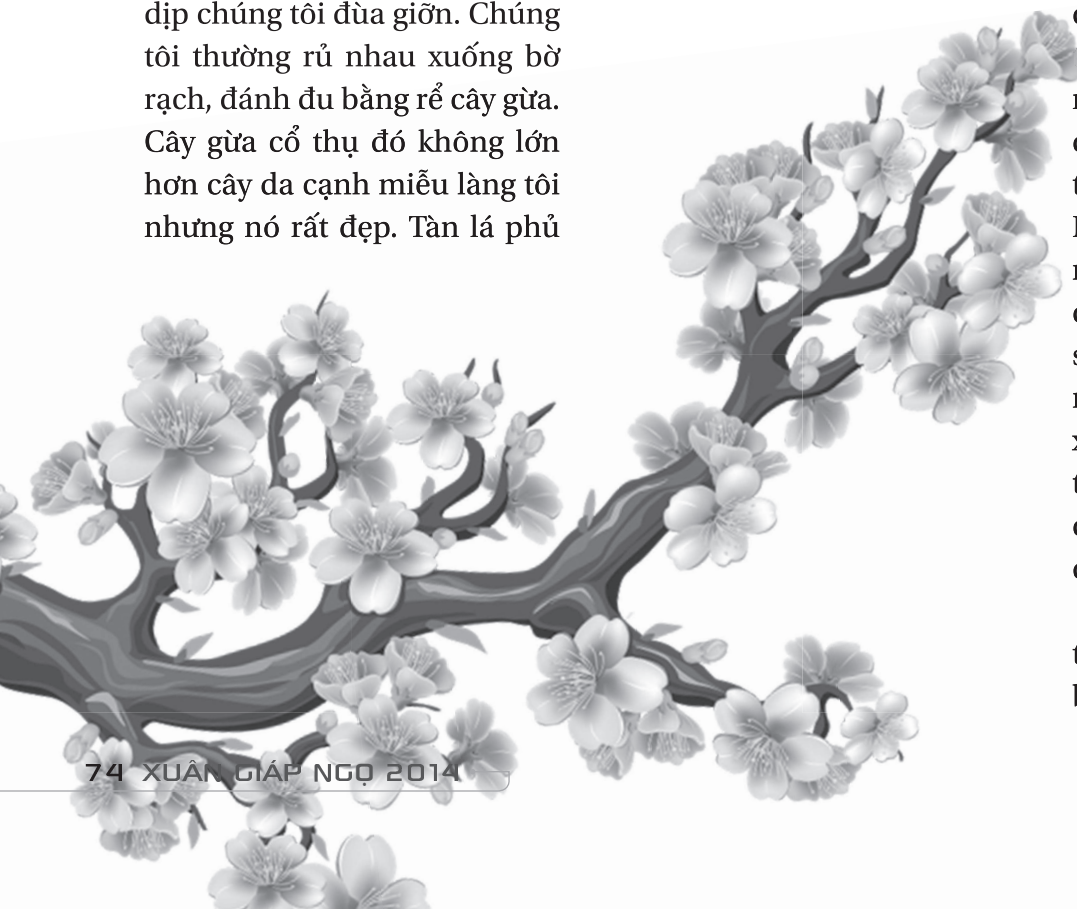
ngiêng trên bến nước, cây thả những tay rể, phát phơ lãng mạn như người đàn bà đang xoa mái tóc dài. Vào ban đêm, hàng vạn đom đóm như treo đèn trên ngọn cây, lập loè từng nơi giống những trái cầu màu ngọc phách. Buổi sáng, những con chim chích chòe hót vang trên cành trong khi bầy trao trảo chí chèo giảnh giặt những trái gừa chín đỏ, làm rớt lốm bôm xuống nước nơi bầy cá lòng tong, cá chài đang lượn lờ, chờ đợi..

Những ngày tang lễ, mọi người buồn bã, nghiêm trang thì chúng tôi tụ tập đùa giỡn nơi nhà mát, dưới bóng cây gừa thơ mộng đó. Thỉnh thoảng, “thằng Hiêm” đi ra nhìn, có khi

thật lâu như đang thăm đếm xem có thiếu đứa nào. Lúc đó, mắt ông dừng lâu ở tôi—cái nhìn mà cho đến bây giờ tôi mới hiểu ra là đầy trách móc trên gương mặt khác thường của ông—nét mặt man mác buồn khó tả! Trong nhà, tôi thường gặp ông ta đứng một mình, núp sau gốc cột, đắm đắm nhìn quan tài ông tôi cô đơn trong khói hương nghi ngút. Ông ta nghĩ gì thì không ai biết nhưng đã có lần tôi thấy ông đưa tay áo lên quệt ngang mắt như một đứa trẻ.

Năm đó, chúng tôi đón một cái Tết buồn vì mất một người thân yêu. Mặc dù pháo nổ ít hơn mọi khi, hai cội mai già vẫn ra hoa thật nhiều, thật đẹp. Về nhà nội, từ xa tôi nhìn thấy một màu vàng rực rỡ với những đàn bướm đủ màu chập chờn trong gió xuân còn thoang thoang mùi hương mai. Nắng buổi sớm dịu dàng mơn man trên những cành hoa dài các, làm long lanh những hạt sương li ti còn vương váu nơi nụ búp xanh xanh. Dưới chân, xác pháo đỏ đón giao thừa tan tác nằm vương vãi cùng những cánh hoa vàng úa tàn rơi rụng đó đây.

Qua những cây cột gạch to của hàng ba hun hút, tôi bất chợt thấy gương mặt buồn



buồn của “thằng Hiêm” đang nhìn hai cội mai già, hướng về cái bàn lót gạch men với vài cái đôn sứ đặt ở góc sân. Nơi ấy, ông tôi thường ngồi uống trà ngắm hoa hoặc đánh cờ. Đó là lúc “thằng Hiêm” rãnh rang nhất. Mọi người không ai được gọi để sai biểu vì ông ta đang chực hờ để châm nước, thêm trà, đem bánh đến. Cũng như việc lật lá mai, ông tôi chỉ giao châm trà cho ông ta.

- Minh ên nó châm trà tao mới uống được!

Ông luôn khen ông ta như vậy.

Thuở ấy, tôi không hiểu việc châm trà là khó đến cỡ nào! Sau này khi hiểu ra, tôi hết sức ngạc nhiên vì không ngờ “thằng Hiêm” lại khéo léo như vậy. Trong một con người xấu xí, khật khùng lại ẩn chứa một tài năng mà lúc đó, trong số những người ở cho nội tôi, ít ai làm được. Nước nấu trà phải sôi nhưng không được hôi khói. Bình phải được xông nóng trong bao lâu. Trà để vào bình bao nhiêu cho vừa uống. Châm nước vào bao nhiêu cho lần đầu, bao nhiêu cho lần sau. Khoảng thời gian giữa hai lần châm cũng là một yếu tố quan trọng phải tính toán.

Lễ làm tuần một trăm ngày cho ông tôi nhằm vào

đầu tháng tư âm lịch. Lúc này, những cơn mưa đầu mùa lai rai đến kéo theo những đám mây đen khói đèn vây kín bầu trời, kèm thêm những cơn giông bất chợt, dữ dội như muốn đè bẹp hàng gáo hoang bên kia cù lao, làm tan tác đàn cò vào những buổi chiều u ám, khi mà mặt trời đã lặn mất từ lâu ở đâu đó trong màn xanh đen thẫm phía cuối chân trời.

Bấy giờ, các cánh đồng mênh mông bắt đầu được cày bừa, sạ giống cho vụ lúa nổi duy nhất trong năm. Công việc kéo dài đến giữa tháng thì xong vì đầu tháng năm, nước sông bắt đầu quây, chuyển thành màu đỏ gạch và cuộn cuộn chảy xuống một dòng từ trên nguồn, tận nơi nào đó bên biên giới. Mọi người rất hối hả hoàn tất việc gieo sạ vì nếu không, nước lũ sẽ tràn vào. Lúa sẽ không theo kịp nước và năm đó vụ mùa sẽ thất bại.

“Thằng Hiêm” giúp gia đình ông tôi hoàn tất vụ sạ lúa mùa năm đó một cách mỹ mãn. Vừa xong Tết Đoan Ngọ, ông ta làm mọi người chưng hửng:

- Chú cho tui về quê!

“Thằng Hiêm” ngập ngừng, một tay gỡ đầu, thưa với chú tôi, người thừa kế công việc sau khi ông tôi mất.

- Ủa, về đâu..? Sao hồi đó đến giờ tao không nghe nói?!

Chú tôi thò lỗ nhìn ông ta. Chú tôi cũng như mọi người đều không nghĩ rằng một con người như vậy lại không chịu an phận. Cũng dễ hiểu vì ông ta tàn tật, xấu xí, khật khùng, dốt nát, lại không có thân nhân, gia đình,..thì việc ra đi là điều không ai tính đến.

Vẫn gãi gãi đầu, mặt niễng qua một bên, miệng cười cười, ông ta ảm ớ:

-Tui... tui cũng hỏng biết! Tui đi kiếm...

Ai nấy đều lắc đầu và cho một lời khuyên vì lòng thương hại, chớ không phải lo thiếu người làm. Tuy nhiên, vài hôm sau ông ta vẫn ra đi.

Thật tình cờ, tôi có dịp theo ba về quê nội. Buổi sáng hôm ấy, cây phượng vĩ bên hông nhà chỉ còn lác đác vài chùm hoa nở muộn vươn lên trong bầu trời xám u ám sắp chuyển sang thu. Một bầy chim mạnh mẽ nhỏ xíu với những cánh và mỏ như dính bột sơn đỏ đang liệng tới, liệng lui trong cành lá xanh xanh, trên những cánh hoa đỏ đỏ rồi ùa nhau qua hàng me già trước cửa, mất hút nhanh trong tàn lá non mơn mớn, vàng rực lên bởi hàng vạn cánh hoa li ti mới nở. Đàn se sẽ xám giạt mình tủa ra kêu tíu tíu ▶

▶ vang dậy, khuấy động sự tĩnh lặng của một buổi sáng chớm hơi gió heo may lành lạnh.

Gánh trên vai hai bao cà ròn chứa vài bộ đồ vải nhuộm đen, vài cái nôi và một ít chén đĩa, cái nóp được cuộn gọn lại rồi cột qua một bên vai rồi chéo xuống hông như người ta đeo kiếm sau lưng, “thằng Hiêm” chấp tay xá từng người để từ già. Tôi thấy mắt ông ta đỏ hoe, đôi môi run run, cổ mím chặt để không bật ra tiếng khóc. Lúc nãy, trước bàn thờ ông tôi, khi nói “—Thưa ông Chín, con..đi!” ông ta đã oà khóc như đứa trẻ. Không hiểu vì sao tôi cũng thấy buồn buồn. Tôi không sống gần ông ta nhưng sự quyến luyến thì nhiều qua cái nhìn, câu thăm hỏi, món quà... Khi ông ta lắc lắc vai tôi, nhìn thật lâu rồi nói “Ở nhà ráng học!”, tôi thấy khó chịu khôn tả! Tôi phải dụi mắt nhiều lần khi nhìn theo cái dáng nghiêng nghiêng, xiêu vẹo đó dần dần mất hút trên con đường làng lầy lội vì cơn mưa bất chợt chiều hôm qua.

Có một lỗ hồng lớn trong sinh hoạt thường ngày trong gia đình nội tôi sau khi “thằng Hiêm” ra đi. Điều này, mọi người mới nhận ra. Từ việc thấp đèn măng sông cho buổi tối, bơm cái rề sô để

nấu nước... đến việc bữa củi, tưới cây... luôn luôn gặp khó khăn và trễ nải. Mọi người thường nhìn nhau, chắt lưỡi, chép miệng:

– Phải chi có thằng Hiêm!

oOo

Cũng không có gì lạ khi có dịp về nội, tôi thấy cảnh hoang tàn khắp mọi nơi. Những phiến gạch lót bong tróc khắp sân. Cái bàn và bốn cái đôn sứ, nơi ông tôi thường ngồi uống trà, ngã nghiêng, không ai buồn dựng lại. Hàng lan đất dọc theo hàng rào và vây quanh bàn thông thiên đang cố chen nhau với cỏ dại, lác đác trở ra vài cánh hoa hồng hồng tai tái. Hai cây mai cổ xác xơ, thui đọt lại đầy cành chùm gởi. Vài con chim sâu xanh xanh nhỏ xíu như trái cau bay liệng tới lui trên cành khô lá, thỉnh thoảng nghiêng mắt nhìn những con ong bầu đang “u u” kiên nhẫn đục thân mai. Buổi tối, một, hai cây đèn khí đá hoặc vài cây đèn dầu ám khói, tù mù làm cho căn nhà lớn mênh mông thêm âm u với những bóng đen quái đản chập chờn trên vách tường nhờ nhờ xám.

Người làm trong nhà vẫn còn nhiều, nhưng không ai được việc, chu đáo như “thằng

Hiêm”. Bây giờ mọi người mới hiểu tại sao ngày xưa ông tôi hay binh vực ông ta nhưng không ai hiểu tại sao ông ta lại ra đi sau khi ông tôi mất!

Pháo lại nổ đi đúng chuẩn bị đón Tết cũng là lúc chúng tôi làm tuần giáp năm cho ông nội. Một buổi chiều gần ngày đưa ông Táo, “thằng Hiêm” lếch thếch quay về, quẩy theo một con vịt xiêm đen lớn:

– Ông Chín thích ăn vịt xiêm. Tui đem về cúng ông!

Ông ta phân bua như thế lúc mọi người xúm nhau la ông ta “...đem về làm chi..!” khi biết ông ta lội bộ hàng chục cây số, đi nhiều loại xe, vượt hơn hai trăm cây để về đến đây. Thuở ấy tôi còn quá nhỏ để biết những thứ ẩn sau hành vi, lời nói nhưng tôi mơ hồ hiểu rằng việc đó cũng giống như ông ta cặm cụi nhiều ngày ngồi đẽo gọt cái nặng giàn thun sao cho thật đẹp. Thật ra, đó là một thứ tình rất nhỏ bé nhưng mênh mông, rất thô kệch nhưng hết sức chân thành.

Mọi người đón ông ta trở về hết sức nồng nhiệt, có vẻ như muốn ông ở lại đây, cái tổ ấm ngày xưa. Gặp tôi, ông ta mừng rỡ, lắc lắc vai tôi thật mạnh, “Mau lớn quá ta! Học giỏi hông?”. Rồi ông ta cười ha hả, sáng khoái. Tôi cảm thấy vui vui

vì có lẽ chưa có người lớn nào thân mật với mình như thế.

Tết năm đó, “thằng Hiêm” ở lại với mọi người. Ông ta làm cỏ sân sạch sẽ, sửa lại những phiến gạch lót sân bong tróc, dựng lại ngay ngắn cái bàn uống trà của ông tôi ngày nào. Riêng hai cội mai già đã có người lật lá trước. Có lần tôi gặp ông ta đứng ngắm nghía hai cội mai, vẻ mặt thật buồn, không biết vì sự xơ xác của chúng hay vì sự vắng bóng của ông tôi, người luôn bên cạnh ông ta trong những lần lật lá vào những dịp xuân về!?

Ra mừng, ông ta một lần nữa ra đi - “...mãn tang ông Chín tui đi...” Tôi hơi tiếc vì không có mặt lúc đó để ông ta lắc lắc đôi vai, nghe cười ha hả và lời khuyên rắng học lúc nào cũng ngăn ngụt. Tôi hi vọng gặp lại ông ta vào những ngày giáp Tết như theo lời hứa.

oOo

Nhưng bao lần cây ô môi trước nhà, nghiêng nghiêng soi bóng trên mặt nước lặng lẽ, thả theo gió phây phẩy những cánh hoa hồng hồng báo hiệu mùa xuân; đã bao lần chim tu hú trên đọt sao cạnh đình làm háo hức biết bao lòng người; và nhiều lần mai vàng khoe sắc

xuân cùng xác pháo đỏ, người ta không thấy “thằng Hiêm” trở về!

Không ai biết vì sao! Lúc ấy, chiến tranh nổ ra khắp xứ. Nơi ông ta ở, nghe đâu, tận miệt Xèo Quao gì đó. Trong lửa đạn, ông ta có may mắn?! Hay cái nghèo như giẻ lục bình dật dờ trôi theo dòng nước đẩy đưa nên ông ta không trở lại như đã hẹn?!

Thỉnh thoảng mọi người nhìn nhau, rồi một người chất lưỡi:

- Phải chi có thằng Hiêm!

Và tất cả đều im lặng, đồng tình dõi ánh mắt về một nơi dường như xa xăm lắm! Có lẽ người ta đang tiếc nuối một cái gì đã mất mà trong khi còn, không ai biết trân trọng.

Riêng tôi, nhiều năm sau vì đi học xa nên ít có dịp về quê nội. Nhưng ở đâu đó, cái

làng quê cô đơn, lặng lẽ đến cô tịch vẫn man mác trong tôi. Hình ảnh cái cù lao buồn buồn bên kia con rạch với đám lát chập chờn theo gió; từng bụi u du như cố ngoi lên mặt nước nhấp nhô vây lấy chân hàng gáo rùng, có trên tàn lá những con cò trắng mỗi một về tổ; có cây ô môi đen sì vươn cành trên con rạch lững lờ, có cây gừa buông tay rể la đà trên mặt nước êm đềm...là niềm nhung nhớ mênh mông lúc nào cũng theo tôi trên mọi nẻo đường đời. Trong đó, hình ảnh “thằng Hiêm”, một con người quá đỗi tầm thường nhưng luôn khiến người ta tiếc nuối, quý trọng và, với tôi, là niềm thương cảm tuy mơ hồ, bàng bạc, nhưng luôn hiện hữu trong tôi mỗi khi tôi nhớ đến tình người.

Vĩnh Tế, cuối Hạ
 năm Quý Ty, 2013